

Số: 2343/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần chất lượng cao đợt tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng họp xét tốt nghiệp số: 975/BB-ĐHNH, ngày 30/06/2025 và Tờ trình số 160/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 197 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 6 năm 2025.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN CHẤT LƯỢNG CAO

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025

(Bản hành kèm theo Quyết định số 3542/QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)



STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
1	030134180657	Phạm Thị Thanh	Vy	09/07/2000	Nữ	HQ6-GE01	7.22	2.89	129	Kế toán	Khá	K6	
2	050606180143	Nguyễn Tấn	Hưng	03/03/2000	Nam	HQ6-GE02	7.28	2.91	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
3	050606180257	Đỗ Định	Nguyên	17/11/2000	Nam	HQ6-GE02	6.83	2.73	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
4	030334180235	Phạm Phú	Tỷ	08/11/2000	Nam	HQ6-GE03	7.38	2.95	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
5	050606180198	Cao Phát	Lợi	25/02/1999	Nam	HQ6-GE08	7.00	2.80	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
6	050606180067	Hồ Thị Thanh	Duyên	29/07/2000	Nữ	HQ6-GE04	7.65	3.06	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
7	050606180311	Trần	Qui	30/06/2000	Nam	HQ6-GE04	6.42	2.57	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
8	050606180134	Nguyễn Trần Mai	Huy	11/09/2000	Nam	HQ6-GE10	6.30	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
9	050606180036	Phạm Nguyễn Thanh	Bình	15/12/2000	Nữ	HQ6-GE11	6.84	2.74	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
10	050607190352	Phạm Thị Lan	Nhi	01/06/2001	Nữ	HQ7-GE08	7.73	3.09	130	Kế toán	Khá	K7	
11	050607190599	Nguyễn Huy	Trường	26/04/2001	Nam	HQ7-GE09	7.79	3.12	130	Kế toán	Khá	K7	
12	050607190150	Nguyễn Anh	Hiền	19/12/2001	Nữ	HQ7-GE03	8.34	3.34	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
13	030135190533	Đoàn Minh	Thắng	14/06/2001	Nam	HQ7-GE03	7.95	3.18	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
14	050607190301	Võ Thị Thu	Ngân	10/03/2001	Nữ	HQ7-GE10	7.94	3.17	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
15	050607190315	Đinh Nhật	Nguyên	15/09/2001	Nữ	HQ7-GE11	7.99	3.20	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
16	050607190085	Nguyễn Lê	Duy	20/12/2001	Nam	HQ7-GE12	6.69	2.68	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
17	050607190180	Nguyễn Ngọc	Huỳnh	17/11/2000	Nữ	HQ7-GE12	7.63	3.05	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
18	050607190204	Nguyễn Đăng	Khoa	30/03/2001	Nam	HQ7-GE13	6.71	2.68	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
19	050607190280	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	30/06/2001	Nữ	HQ7-GE13	8.11	3.24	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
20	050607190395	Trần Thanh Hoàng	Phước	25/08/2001	Nam	HQ7-GE13	7.21	2.88	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	



STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
21	050607190639	Phạm Ngọc Thảo	Vi	28/02/2001	Nữ	HQ7-GE13	7.37	2.95	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
22	030135190748	Giang Hương	Xuân	18/01/2001	Nữ	HQ7-GE06	6.90	2.76	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
23	050607190133	Bạch Kim Hồng	Hạnh	04/01/2001	Nữ	HQ7-GE14	7.14	2.86	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
24	050607190044	Vũ Quỳnh	Anh	07/01/2001	Nữ	HQ7-GE15	6.93	2.77	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
25	050607190536	Nguyễn Hoàng	Tiến	05/09/2001	Nam	HQ7-GE15	7.00	2.80	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
26	050607190421	Huỳnh Phú	Quý	15/11/2001	Nam	HQ7-GE16	7.28	2.91	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
27	050607190684	Hà Thị Ngọc	Yến	12/05/2001	Nữ	HQ7-GE16	7.49	3.00	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
28	050607190034	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/11/2001	Nữ	HQ7-GE17	7.48	2.99	131	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
29	050607190505	Lê Phạm Minh	Thư	18/12/2001	Nữ	HQ7-GE17	6.72	2.69	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
30	050607190591	Nguyễn Thanh	Trúc	29/03/2001	Nữ	HQ7-GE18	7.14	2.86	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
31	050608200753	Hồ Ngọc Bảo	Uyên	26/11/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.53	3.41	123	Kế toán	Giỏi	K8	
32	050608200772	Đặng Thị Hà	Vy	13/01/2002	Nữ	HQ8-GE01	7.82	3.13	123	Kế toán	Khá	K8	
33	050608200372	Lê Đình Thanh	Huyền	15/04/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.67	3.07	123	Kế toán	Khá	K8	
34	050608200207	Lý Gia	Linh	14/03/2001	Nữ	HQ8-GE09	7.54	3.02	123	Kế toán	Khá	K8	
35	050608200498	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	14/07/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.77	3.11	123	Kế toán	Khá	K8	
36	050608200646	Đặng Phương	Thảo	25/09/2002	Nữ	HQ8-GE10	8.18	3.27	123	Kế toán	Giỏi	K8	
37	050608200800	Nguyễn Lý Hoàng	Yến	29/10/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.55	3.02	123	Kế toán	Khá	K8	
38	050608200287	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/01/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.58	3.03	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
39	050608200394	Đỗ Gia	Khánh	29/06/2002	Nam	HQ8-GE02	8.54	3.41	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
40	050608200449	Nguyễn Hồng Hải	My	19/03/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.97	3.19	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
41	050608200371	Trần Phương	Huy	21/10/2002	Nam	HQ8-GE03	7.59	3.04	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
42	050608200438	Lê Hoàng Khánh	Mai	22/07/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.07	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
43	050608200145	Bùi Thị Thanh	Thảo	09/08/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.30	3.32	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
44	050608200718	Lê Thùy	Trang	14/11/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.89	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
45	050608200017	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	24/08/2002	Nữ	HQ8-GE12	7.68	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
46	050608200050	Lê Thị Ngọc	Hân	25/06/2002	Nữ	HQ8-GE12	7.53	3.01	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
47	050608200635	Trần Ngọc	Tuyền	20/05/2002	Nữ	HQ8-GE12	8.06	3.22	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
48	050608200023	Nguyễn Khánh	Băng	06/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.15	3.26	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
49	050608200644	Nguyễn Phú	Thành	20/10/2002	Nam	HQ8-GE13	7.90	3.16	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
50	050608200161	Nguyễn Thị Thu	Thuyền	12/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.08	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
51	050608200165	Giang Thị Hương	Trà	01/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.16	3.27	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
52	050608200684	Nguyễn Hoàng Kim	Thủy	08/02/2002	Nữ	HQ8-GE04	8.81	3.53	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
53	050608200060	Bùi Nguyễn Diệu	Hiền	23/05/2002	Nữ	HQ8-GE05	7.80	3.12	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
54	050608200334	Võ Thu	Hằng	01/07/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.51	3.00	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
55	050608200097	Đào Thúy	Nga	03/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.02	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
56	110302200020	Quách Tiểu	Phương	07/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.01	2.80	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
57	050608200169	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	26/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.29	3.32	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
58	050608200725	Vũ Thị Thanh	Trang	29/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.81	3.12	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
59	050608200192	Trần Tố	Uyên	10/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.44	2.97	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
60	050608200153	Nguyễn Minh	Thư	23/11/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.71	3.09	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
61	050608200770	Nguyễn Thanh	Vinh	08/12/2002	Nam	HQ8-GE08	7.08	2.83	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
62	050608200655	Trương Thị Phương	Thảo	25/02/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.53	3.01	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
63	050608200493	Nguyễn Thái Như	Ngọc	01/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.52	3.01	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
64	050608200608	Nguyễn Trí	Tài	21/05/2002	Nam	HQ8-GE16	8.06	3.22	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
65	050608200427	Vũ Khánh	Linh	03/09/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.44	2.98	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
66	050608200091	Dương Văn	Minh	13/09/2002	Nam	HQ8-GE17	8.43	3.37	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
67	050608200669	Trần Thị Kim	Thoa	07/10/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.18	2.87	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
68	050608200004	Huỳnh Lan	Anh	25/10/2002	Nữ	HQ8-GE19	7.96	3.18	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
69	050608200410	Đậu Thị Khánh	Linh	04/11/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.02	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
70	050608200761	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	11/11/2002	Nữ	HQ8-GE20	7.19	2.88	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
71	050609210404	Trần Huỳnh Diệu	Hiền	24/09/2003	Nữ	HQ9-GE01	7.4	2.9	123	Kế toán	Khá	K9	
72	050609210996	Lê Uyên	Nhi	05/11/2003	Nữ	HQ9-GE01	7.6	3.0	123	Kế toán	Khá	K9	
73	050609210748	Phạm Đức	Minh	07/04/2003	Nam	HQ9-GE11	7.7	3.0	123	Kế toán	Khá	K9	
74	050609210463	Đặng Huỳnh Lan	Hương	28/08/2003	Nữ	HQ9-GE12	8.8	3.5	123	Kế toán	Giỏi	K9	
75	050609212144	Ứng Thu	Phương	17/12/2003	Nữ	HQ9-GE12	8.2	3.2	123	Kế toán	Giỏi	K9	
76	050609211535	Nguyễn Bảo	Trần	15/08/2003	Nữ	HQ9-GE12	9	3.6	123	Kế toán	Xuất sắc	K9	
77	050609211741	Trần Yến	Vy	04/04/2003	Nữ	HQ9-GE12	7.9	3.1	123	Kế toán	Khá	K9	
78	050609212352	Nguyễn Thị Hải	Yến	16/08/2003	Nữ	HQ9-GE12	8.1	3.2	123	Kế toán	Giỏi	K9	
79	050609210052	Đinh Bảo	Anh	23/02/2003	Nữ	HQ9-GE02	7.1	2.8	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
80	050609210396	Đặng Trương Gia	Hào	03/10/2003	Nữ	HQ9-GE02	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
81	050609212159	Nguyễn Nhật	Quyên	01/01/2003	Nữ	HQ9-GE02	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
82	050609211292	Trần Quốc	Thắng	06/05/2003	Nam	HQ9-GE02	7.8	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
83	050609210125	Nguyễn Nhất Thiên	Bảo	17/08/2003	Nam	HQ9-GE03	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
84	050609211972	Nguyễn Hồ	Hưng	20/02/2003	Nam	HQ9-GE03	7.7	3.0	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
85	050609210637	Đinh Hồ Khánh	Linh	31/10/2003	Nữ	HQ9-GE03	7.5	2.9	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
86	050609210153	Lâm Minh	Châu	24/03/2003	Nữ	HQ9-GE04	8.0	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
87	050609210388	Lê Thị Hồng	Hạnh	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE04	8.1	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
88	050609211949	Bùi Hữu	Hùng	30/03/2003	Nam	HQ9-GE04	7.9	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
89	050609210801	Hoàng Hiếu	Nam	09/04/2003	Nam	HQ9-GE04	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
90	050609210815	Lê Thị Nam	Nga	22/10/2003	Nữ	HQ9-GE04	7.8	3.0	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
91	050609211376	Huỳnh Thị Yến	Thơ	25/01/2002	Nữ	HQ9-GE04	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
92	050609211822	Nguyễn Trâm	Anh	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE13	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
93	050609211857	Nguyễn Trần Mỹ	Chi	24/03/2003	Nữ	HQ9-GE13	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
94	050609211882	Nguyễn Hồng	Đào	14/07/2003	Nữ	HQ9-GE13	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
95	050609211904	Hồ Nguyễn Khánh	Hà	19/09/2003	Nữ	HQ9-GE14	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
96	050609211945	Phan Thị	Hoa	21/11/1998	Nữ	HQ9-GE14	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
97	050609211962	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/12/2003	Nữ	HQ9-GE15	8.0	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
98	050609211964	Lê Khánh	Huyền	12/12/2003	Nữ	HQ9-GE15	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
99	050609210646	Phạm Ngọc	Linh	04/09/2003	Nữ	HQ9-GE15	7.7	3.0	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
100	050609210723	Nguyễn Thị Thanh	Mai	23/08/2003	Nữ	HQ9-GE15	8.2	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
101	050609212083	Nguyễn Thy	Nhã	10/08/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
102	050609211015	Đặng Trần Uyên	Nhi	07/01/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.7	3.4	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
103	050609212103	Trần Thị Yến	Nhi	31/01/2003	Nữ	HQ9-GE16	7.9	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
104	050609211055	Phan Ngọc Uyên	Như	07/08/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.6	3.4	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
105	050609211074	Trần Thị Hồng	Nhung	26/03/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.0	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
106	050609211476	Bùi Hà	Tiên	17/05/2003	Nữ	HQ9-GE17	7.9	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
107	050609211645	Nguyễn Thùy Kim	Tuyển	02/11/2003	Nữ	HQ9-GE18	8.0	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
108	050609211756	Phạm Tiên	Vy	17/08/2003	Nữ	HQ9-GE18	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
109	050609210550	Võ Đặng Hoàng Gia	Khiêm	29/03/2003	Nam	HQ9-GE05	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
110	050609211185	Nguyễn Khả	Quang	03/03/2003	Nam	HQ9-GE05	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
111	050609211896	Nguyễn Hương	Giang	07/04/2003	Nữ	HQ9-GE06	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
112	050609211922	Lê Gia	Hân	07/02/2003	Nữ	HQ9-GE06	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
113	050609212139	Đào Thị Thanh	Phương	08/05/2003	Nữ	HQ9-GE06	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
114	050609211404	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	29/06/2003	Nữ	HQ9-GE06	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
115	050609210571	Hà Sỹ	Khôi	03/11/2003	Nam	HQ9-GE07	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
116	050609210610	Ngô Nhựt	Lâm	18/10/2003	Nam	HQ9-GE07	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
117	050609210919	Nguyễn Huỳnh Bích	Ngọc	29/09/2003	Nữ	HQ9-GE07	7.2	2.8	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
118	050609212150	Đinh Thị Kim	Phượng	08/07/2003	Nữ	HQ9-GE07	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
119	050609211194	Lê Ngọc Vân	Quyên	23/10/2003	Nữ	HQ9-GE07	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
120	050609211823	Nguyễn Trần Minh	Anh	13/12/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
121	050609211919	Trần Mai Thanh	Hằng	13/12/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
122	050609210527	Trương Nguyễn Nhã	Khanh	15/01/2003	Nữ	HQ9-GE08	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
123	030137210322	Nguyễn Thanh	Ngân	18/10/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
124	050609212061	Tạ Nguyễn Kim	Ngân	16/02/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
125	050609211666	Đặng Thục	Uyên	14/01/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
126	050609211797	Phạm Ngọc	Yến	11/11/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
127	050609211815	Lê Phúc Minh	Anh	18/09/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
128	050609210260	Nguyễn Mạnh	Duy	21/11/2003	Nam	HQ9-GE09	9.1	3.7	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
129	050609210962	Trần Thanh	Nhã	19/07/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
130	050609211016	Ngô Hạnh	Nhi	18/10/2003	Nữ	HQ9-GE09	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
131	050609211552	Tạ Minh	Trang	19/04/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.8	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
132	050609212272	Tăng Trần Huyền	Trang	21/08/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
133	050609211937	Âu Thuý	Hiền	28/11/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.0	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
134	050609212008	Nguyễn Dương Thùy	Linh	27/02/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
135	050609210754	Võ Hoàng	Minh	29/04/2003	Nam	HQ9-GE10	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
136	050609210809	Nguyễn Thị Thúy	Nga	31/01/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.5	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
137	050609212068	Lê Hồ Hồng	Ngọc	30/09/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
138	050609212070	Nguyễn Hoài	Ngọc	27/04/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
139	050609211003	Lê Hoàng Băng	Nhi	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.5	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
140	050609212101	Quách Tổ	Nhi	23/08/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
141	050609212170	Trần Thị Diễm	Quỳnh	27/07/2003	Nữ	HQ9-GE10	9.2	3.7	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
142	050609211363	Lê Hoàng Lan	Thị	23/09/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.7	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
143	050609212274	Trương Thị Thuỳ	Trang	31/05/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
144	050609210091	Hoàng Ngọc Bảo	Anh	29/08/2003	Nam	HQ9-GE19	7.8	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
145	050609210114	Nguyễn Trường Nhật	Băng	09/03/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
146	050609210144	Trịnh Đỗ Bảo	Châu	25/12/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.7	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
147	050609210211	Bùi Nguyễn Phúc	Đạt	15/06/2003	Nam	HQ9-GE19	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
148	050609211885	Nguyễn Tiến	Đạt	18/09/2003	Nam	HQ9-GE19	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
149	050609211867	Lê Thị Kim	Dung	10/02/2003	Nữ	HQ9-GE19	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
150	050609211876	Đào Thị Mỹ	Duyên	29/03/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
151	050609211893	Giáp Hoàng Lê	Giang	06/12/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
152	050609211900	Võ Lê Khánh	Giang	20/05/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
153	050609210365	Bùi Thị Ngọc	Hân	28/03/2003	Nữ	HQ9-GE20	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
154	050609211935	Trần Huỳnh Cẩm	Hân	18/12/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
155	050609210420	Trần La Trung	Hiếu	12/03/2003	Nam	HQ9-GE21	8.7	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
156	050609210430	Nguyễn Minh	Hoàn	02/06/2003	Nam	HQ9-GE21	7.4	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
157	050609211984	Ngô Huy	Khánh	12/07/2003	Nam	HQ9-GE21	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
158	050609210551	Lê Gia	Khiêm	18/12/2003	Nam	HQ9-GE21	7.8	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
159	050609211991	Lê Đăng	Khôi	02/11/2003	Nam	HQ9-GE21	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
160	050609211996	Lâm Thuý	Kiều	20/08/2003	Nữ	HQ9-GE21	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
161	050609211999	Lê Vinh	Lâm	01/02/2003	Nữ	HQ9-GE22	8.7	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
162	050609210690	Đinh Thị Kim	Loan	22/04/2003	Nữ	HQ9-GE22	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
163	050609210691	Mai Thanh	Loan	13/04/2003	Nữ	HQ9-GE22	7.3	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
164	050609210724	Nguyễn Đỗ Huỳnh	Mai	04/01/2003	Nữ	HQ9-GE22	7.2	2.8	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
165	050609210802	Nguyễn Thành	Nam	14/10/2003	Nam	HQ9-GE23	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
166	050609210847	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	06/04/2003	Nữ	HQ9-GE23	7.7	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
167	050609210943	Đoàn Thị Thảo	Nguyên	17/07/2003	Nữ	HQ9-GE23	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
168	050609210979	Vũ Trần Kiều	Nhi	19/12/2003	Nữ	HQ9-GE24	7.6	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
169	050609212112	Lê Thị Quỳnh	Như	03/11/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.9	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
170	050609212137	Lê Thị Kim	Phúc	10/07/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.0	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
171	050609211139	Lê Lan	Phương	18/11/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
172	050609211210	Ngô Thị Mỹ	Quỳnh	07/12/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.7	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
173	050609211244	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	28/10/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
174	050609212162	Lê Trương Diễm	Quỳnh	20/10/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
175	050609212164	Nguyễn Hà Nguyệt	Quỳnh	10/07/2003	Nữ	HQ9-GE25	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
176	050609212171	Trần Thị Như	Quỳnh	29/09/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
177	050609212204	Võ Hồng	Thắm	04/09/2003	Nữ	HQ9-GE25	9	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
178	050609211304	Trần Thị Thúy	Thanh	09/12/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.8	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
179	050609211329	Nguyễn Thanh	Thảo	12/07/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.7	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
180	050609211325	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/11/2003	Nữ	HQ9-GE26	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
181	050609212197	Phạm Thị Ngọc	Thảo	20/07/2003	Nữ	HQ9-GE26	7.3	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
182	050609212219	Huỳnh Ái	Thu	07/11/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
183	050609211425	Dur Hà Minh	Thư	14/04/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
184	050609212234	Nguyễn Anh	Thư	03/08/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
185	050609212254	Trần Thị Cẩm	Tiên	08/09/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
186	050609211508	Lê Thị Ngọc	Trâm	14/10/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.7	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
187	050609211544	Nguyễn Thị Tuyết	Trân	02/01/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
188	050609211560	Đặng Thị Thu	Trang	30/04/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
189	050609212271	Phan Ngọc Phương Trang	19/10/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
190	050609211590	Phạm Lê Tuyết Trinh	09/04/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
191	050609211592	Phùng Văn Trọng	31/03/2003	Nam	HQ9-GE27	8.0	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
192	050609212292	La Thanh Trúc	25/11/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
193	050609211619	Đặng Quốc Trường	15/01/2003	Nam	HQ9-GE27	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
194	050609212302	Huỳnh Ngọc Minh Tú	26/08/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
195	050609211665	Đỗ Phương Uyên	26/08/2003	Nữ	HQ9-GE28	8.9	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
196	050609211679	Huỳnh Lê Xuân Uyên	14/11/2003	Nữ	HQ9-GE28	9	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
197	050609211794	Hồ Ngọc Yến	01/09/2003	Nữ	HQ9-GE28	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	

Tổng: 197 sinh viên

(Chữ ký)

VIỆT NAM



No. 2343/QĐ-ĐHNH

Ho Chi Minh City, June 30, 2025

DECISION

**Regarding the graduation recognition for full-time undergraduate students in
the high-quality partial English program in the June 2025 session**

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024) of the Chairman of the University Council on promulgating the “Regulations on functions, duties, powers, and organizational structure of affiliated and subordinate units of Banking University Ho Chi Minh City”;

Pursuant to Decision No. 1577/QĐ-ĐHNH (August 31th, 2021) of the Rector on amending and supplementing a number of articles of the academic management regulations for high-quality undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City issued under Decision No. 2134A/QĐ-ĐHNH dated October 2, 2017;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and management of undergraduate training at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to the Minutes of the Graduation Evaluation Council No.975/BB-ĐHNH (June 30, 2025), and the Proposal No. 160/TTr-ĐHNH-PQLĐT (June 30, 2025), submitted by the Head of the Department of Academic Affairs.

DECIDES:

Article 1. To recognize the graduation of 197 full-time undergraduate students in the high-quality partial English program in the June 2025 session.

(List attached)

Article 2. The students listed in Article 1 shall be awarded their graduation diplomas and are entitled to all benefits in accordance with the current regulations of the State.

Article 3. Chief of the Office, Heads of the Department of Academic Affairs, relevant units, and the students listed in Article 1 shall be responsible for implementing this decision./.*k*

Recipients:

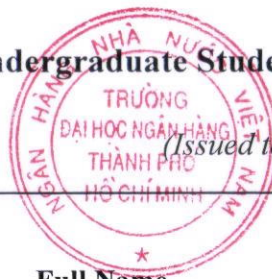
- As in Article 3;
- Archives: CLC Office, GAO.

RECTOR *jb*

(Signed)

Nguyen Duc Trung

List of Official Undergraduate Students in the High-Quality Part-Time English Program Recognized for Graduation in June 2025



(Issued together with Decision No: 2343/QĐ-ĐHNH, June 30, 2025 by the Rector)

No	Student ID	Full Name	Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
						10-point scale	4-point scale	Total Credits				
1	030134180657	Pham Thi Thanh Vy	09/07/2000	Nữ	HQ6-GE01	7.22	2.89	129	Kế toán	Khá	K6	
2	050606180143	Nguyen Tan Hung	03/03/2000	Nam	HQ6-GE02	7.28	2.91	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
3	050606180257	Do Dinh Nguyen	17/11/2000	Nam	HQ6-GE02	6.83	2.73	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
4	030334180235	Pham Phu Ty	08/11/2000	Nam	HQ6-GE03	7.38	2.95	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
5	050606180198	Cao Phat Loi	25/02/1999	Nam	HQ6-GE08	7.00	2.80	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
6	050606180067	Ho Thi Thanh Duyen	29/07/2000	Nữ	HQ6-GE04	7.65	3.06	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
7	050606180311	Tran Qui	30/06/2000	Nam	HQ6-GE04	6.42	2.57	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
8	050606180134	Nguyen Tran Mai Huy	11/09/2000	Nam	HQ6-GE10	6.30	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
9	050606180036	Pham Nguyen Thanh Binh	15/12/2000	Nữ	HQ6-GE11	6.84	2.74	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
10	050607190352	Pham Thi Lan Nhi	01/06/2001	Nữ	HQ7-GE08	7.73	3.09	130	Kế toán	Khá	K7	
11	050607190599	Nguyen Huy Truong	26/04/2001	Nam	HQ7-GE09	7.79	3.12	130	Kế toán	Khá	K7	
12	050607190150	Nguyen Anh Hien	19/12/2001	Nữ	HQ7-GE03	8.34	3.34	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
13	030135190533	Doan Minh Thang	14/06/2001	Nam	HQ7-GE03	7.95	3.18	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
14	050607190301	Vo Thi Thu Ngan	10/03/2001	Nữ	HQ7-GE10	7.94	3.17	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
15	050607190315	Dinh Nhat Nguyen	15/09/2001	Nữ	HQ7-GE11	7.99	3.20	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
16	050607190085	Nguyen Le Duy	20/12/2001	Nam	HQ7-GE12	6.69	2.68	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
17	050607190180	Nguyen Ngoc Huynh	17/11/2000	Nữ	HQ7-GE12	7.63	3.05	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
18	050607190204	Nguyen Dang Khoa	30/03/2001	Nam	HQ7-GE13	6.71	2.68	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
19	050607190280	Nguyen Thi Ngoc Nga	30/06/2001	Nữ	HQ7-GE13	8.11	3.24	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
20	050607190395	Tran Thanh Hoang Phuoc	25/08/2001	Nam	HQ7-GE13	7.21	2.88	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
21	050607190639	Pham Ngoc Thao Vi	28/02/2001	Nữ	HQ7-GE13	7.37	2.95	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	

No	Student ID	Full Name		Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
							10-point scale	4-point scale	Total Credits				
22	030135190748	Giang Huong	Xuan	18/01/2001	Nữ	HQ7-GE06	6.90	2.76	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
23	050607190133	Bach Kim Hong	Hanh	04/01/2001	Nữ	HQ7-GE14	7.14	2.86	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
24	050607190044	Vu Quynh	Anh	07/01/2001	Nữ	HQ7-GE15	6.93	2.77	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
25	050607190536	Nguyen Hoang	Tien	05/09/2001	Nam	HQ7-GE15	7.00	2.80	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
26	050607190421	Huynh Phu	Quy	15/11/2001	Nam	HQ7-GE16	7.28	2.91	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
27	050607190684	Ha Thi Ngoc	Yen	12/05/2001	Nữ	HQ7-GE16	7.49	3.00	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
28	050607190034	Nguyen Thi Lan	Anh	23/11/2001	Nữ	HQ7-GE17	7.48	2.99	131	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
29	050607190505	Le Pham Minh	Thu	18/12/2001	Nữ	HQ7-GE17	6.72	2.69	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
30	050607190591	Nguyen Thanh	Truc	29/03/2001	Nữ	HQ7-GE18	7.14	2.86	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
31	050608200753	Ho Ngoc Bao	Uyen	26/11/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.53	3.41	123	Kế toán	Giỏi	K8	
32	050608200772	Dang Thi Ha	Vy	13/01/2002	Nữ	HQ8-GE01	7.82	3.13	123	Kế toán	Khá	K8	
33	050608200372	Le Dinh Thanh	Huyen	15/04/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.67	3.07	123	Kế toán	Khá	K8	
34	050608200207	Ly Gia	Linh	14/03/2001	Nữ	HQ8-GE09	7.54	3.02	123	Kế toán	Khá	K8	
35	050608200498	Nguyen Ngoc Thao	Nguyen	14/07/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.77	3.11	123	Kế toán	Khá	K8	
36	050608200646	Dang Phuong	Thao	25/09/2002	Nữ	HQ8-GE10	8.18	3.27	123	Kế toán	Giỏi	K8	
37	050608200800	Nguyen Ly Hoang	Yen	29/10/2002	Nữ	HQ8-GE10	7.55	3.02	123	Kế toán	Khá	K8	
38	050608200287	Le Thi My	Duyen	01/01/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.58	3.03	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
39	050608200394	Do Gia	Khanh	29/06/2002	Nam	HQ8-GE02	8.54	3.41	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
40	050608200449	Nguyen Hong Hai	My	19/03/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.97	3.19	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
41	050608200371	Tran Phuong	Huy	21/10/2002	Nam	HQ8-GE03	7.59	3.04	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
42	050608200438	Le Hoang Khanh	Mai	22/07/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.07	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
43	050608200145	Bui Thi Thanh	Thao	09/08/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.30	3.32	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
44	050608200718	Le Thuy	Trang	14/11/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.89	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
45	050608200017	Tran Ngoc Quynh	Anh	24/08/2002	Nữ	HQ8-GE12	7.68	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	

No	Student ID	Full Name		Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
							10-point scale	4-point scale	Total Credits				
46	050608200050	Le Thi Ngoc	Han	25/06/2002	Nữ	HQ8-GE12	7.53	3.01	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
47	050608200635	Tran Ngoc	Tuyen	20/05/2002	Nữ	HQ8-GE12	8.06	3.22	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
48	050608200023	Nguyen Khanh	Bang	06/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.15	3.26	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
49	050608200644	Nguyen Phu	Thanh	20/10/2002	Nam	HQ8-GE13	7.90	3.16	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
50	050608200161	Nguyen Thi Thu	Thuyen	12/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.08	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
51	050608200165	Giang Thi Huong	Tra	01/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.16	3.27	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
52	050608200684	Nguyen Hoang Kim	Thuy	08/02/2002	Nữ	HQ8-GE04	8.81	3.53	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
53	050608200060	Bui Nguyen Dieu	Hien	23/05/2002	Nữ	HQ8-GE05	7.80	3.12	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
54	050608200334	Vo Thu	Hang	01/07/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.51	3.00	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
55	050608200097	Dao Thuy	Nga	03/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.02	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
56	110302200020	Quach Tieu	Phuong	07/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.01	2.80	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
57	050608200169	Nguyen Thi Thanh	Tram	26/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.29	3.32	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
58	050608200725	Vu Thi Thanh	Trang	29/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.81	3.12	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
59	050608200192	Tran To	Uyen	10/06/2002	Nữ	HQ8-GE06	7.44	2.97	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
60	050608200153	Nguyen Minh	Thu	23/11/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.71	3.09	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
61	050608200770	Nguyen Thanh	Vinh	08/12/2002	Nam	HQ8-GE08	7.08	2.83	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
62	050608200655	Truong Thi Phuong	Thao	25/02/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.53	3.01	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
63	050608200493	Nguyen Thai Nhu	Ngoc	01/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	7.52	3.01	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
64	050608200608	Nguyen Tri	Tai	21/05/2002	Nam	HQ8-GE16	8.06	3.22	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
65	050608200427	Vu Khanh	Linh	03/09/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.44	2.98	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
66	050608200091	Duong Van	Minh	13/09/2002	Nam	HQ8-GE17	8.43	3.37	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
67	050608200669	Tran Thi Kim	Thoa	07/10/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.18	2.87	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
68	050608200004	Huynh Lan	Anh	25/10/2002	Nữ	HQ8-GE19	7.96	3.18	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
69	050608200410	Dau Thi Khanh	Linh	04/11/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.02	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	

No	Student ID	Full Name	Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
						10-point scale	4-point scale	Total Credits				
70	050608200761	Nguyen Ngoc Thao Van	11/11/2002	Nữ	HQ8-GE20	7.19	2.88	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
71	050609210404	Tran Huynh Dieu Hien	24/09/2003	Nữ	HQ9-GE01	7.4	2.9	123	Kế toán	Khá	K9	
72	050609210996	Le Uyen Nhi	05/11/2003	Nữ	HQ9-GE01	7.6	3.0	123	Kế toán	Khá	K9	
73	050609210748	Pham Duc Minh	07/04/2003	Nam	HQ9-GE11	7.7	3.0	123	Kế toán	Khá	K9	
74	050609210463	Dang Huynh Lan Huong	28/08/2003	Nữ	HQ9-GE12	8.8	3.5	123	Kế toán	Giỏi	K9	
75	050609212144	Ung Thu Phuong	17/12/2003	Nữ	HQ9-GE12	8.2	3.2	123	Kế toán	Giỏi	K9	
76	050609211535	Nguyen Bao Tran	15/08/2003	Nữ	HQ9-GE12	9	3.6	123	Kế toán	Xuất sắc	K9	
77	050609211741	Tran Yen Vy	04/04/2003	Nữ	HQ9-GE12	7.9	3.1	123	Kế toán	Khá	K9	
78	050609212352	Nguyen Thi Hai Yen	16/08/2003	Nữ	HQ9-GE12	8.1	3.2	123	Kế toán	Giỏi	K9	
79	050609210052	Dinh Bao Anh	23/02/2003	Nữ	HQ9-GE02	7.1	2.8	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
80	050609210396	Dang Truong Gia Hao	03/10/2003	Nữ	HQ9-GE02	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
81	050609212159	Nguyen Nhat Quyen	01/01/2003	Nữ	HQ9-GE02	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
82	050609211292	Tran Quoc Thang	06/05/2003	Nam	HQ9-GE02	7.8	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
83	050609210125	Nguyen Nhat Thien Bao	17/08/2003	Nam	HQ9-GE03	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
84	050609211972	Nguyen Ho Hung	20/02/2003	Nam	HQ9-GE03	7.7	3.0	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
85	050609210637	Dinh Ho Khanh Linh	31/10/2003	Nữ	HQ9-GE03	7.5	2.9	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
86	050609210153	Lam Minh Chau	24/03/2003	Nữ	HQ9-GE04	8.0	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
87	050609210388	Le Thi Hong Hanh	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE04	8.1	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
88	050609211949	Bui Huu Hung	30/03/2003	Nam	HQ9-GE04	7.9	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
89	050609210801	Hoang Hieu Nam	09/04/2003	Nam	HQ9-GE04	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
90	050609210815	Le Thi Nam Nga	22/10/2003	Nữ	HQ9-GE04	7.8	3.0	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
91	050609211376	Huynh Thi Yen Tho	25/01/2002	Nữ	HQ9-GE04	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
92	050609211822	Nguyen Tram Anh	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE13	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
93	050609211857	Nguyen Tran My Chi	24/03/2003	Nữ	HQ9-GE13	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	

No	Student ID	Full Name		Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
							10-point scale	4-point scale	Total Credits				
94	050609211882	Nguyen Hong	Dao	14/07/2003	Nữ	HQ9-GE13	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
95	050609211904	Ho Nguyen Khanh	Ha	19/09/2003	Nữ	HQ9-GE14	8.3	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
96	050609211945	Phan Thi	Hoa	21/11/1998	Nữ	HQ9-GE14	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
97	050609211962	Nguyen Thi Thu	Huyen	10/12/2003	Nữ	HQ9-GE15	8.0	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
98	050609211964	Le Khanh	Huyen	12/12/2003	Nữ	HQ9-GE15	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
99	050609210646	Pham Ngoc	Linh	04/09/2003	Nữ	HQ9-GE15	7.7	3.0	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
100	050609210723	Nguyen Thi Thanh	Mai	23/08/2003	Nữ	HQ9-GE15	8.2	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
101	050609212083	Nguyen Thy	Nha	10/08/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.1	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
102	050609211015	Dang Tran Uyen	Nhi	07/01/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.7	3.4	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
103	050609212103	Tran Thi Yen	Nhi	31/01/2003	Nữ	HQ9-GE16	7.9	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
104	050609211055	Phan Ngoc Uyen	Nhu	07/08/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.6	3.4	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
105	050609211074	Tran Thi Hong	Nhung	26/03/2003	Nữ	HQ9-GE16	8.0	3.2	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
106	050609211476	Bui Ha	Tien	17/05/2003	Nữ	HQ9-GE17	7.9	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
107	050609211645	Nguyen Thuy Kim	Tuyen	02/11/2003	Nữ	HQ9-GE18	8.0	3.1	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K9	
108	050609211756	Pham Tien	Vy	17/08/2003	Nữ	HQ9-GE18	8.4	3.3	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K9	
109	050609210550	Vo Dang Hoang Gia	Khiem	29/03/2003	Nam	HQ9-GE05	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
110	050609211185	Nguyen Kha	Quang	03/03/2003	Nam	HQ9-GE05	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
111	050609211896	Nguyen Huong	Giang	07/04/2003	Nữ	HQ9-GE06	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
112	050609211922	Le Gia	Han	07/02/2003	Nữ	HQ9-GE06	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
113	050609212139	Dao Thi Thanh	Phuong	08/05/2003	Nữ	HQ9-GE06	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
114	050609211404	Nguyen Ngoc Anh	Thu	29/06/2003	Nữ	HQ9-GE06	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
115	050609210571	Ha Sy	Khoi	03/11/2003	Nam	HQ9-GE07	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
116	050609210610	Ngo Nhut	Lam	18/10/2003	Nam	HQ9-GE07	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
117	050609210919	Nguyen Huynh Bich	Ngoc	29/09/2003	Nữ	HQ9-GE07	7.2	2.8	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	

No	Student ID	Full Name		Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
							10-point scale	4-point scale	Total Credits				
118	050609212150	Dinh Thi Kim	Phuong	08/07/2003	Nữ	HQ9-GE07	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
119	050609211194	Le Ngoc Van	Quyen	23/10/2003	Nữ	HQ9-GE07	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
120	050609211823	Nguyen Tran Minh	Anh	13/12/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
121	050609211919	Tran Mai Thanh	Hang	13/12/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
122	050609210527	Truong Nguyen Nha	Khanh	15/01/2003	Nữ	HQ9-GE08	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
123	030137210322	Nguyen Thanh	Ngan	18/10/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
124	050609212061	Ta Nguyen Kim	Ngan	16/02/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
125	050609211666	Dang Thuc	Uyen	14/01/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
126	050609211797	Pham Ngoc	Yen	11/11/2003	Nữ	HQ9-GE08	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
127	050609211815	Le Phuc Minh	Anh	18/09/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
128	050609210260	Nguyen Manh	Duy	21/11/2003	Nam	HQ9-GE09	9.1	3.7	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
129	050609210962	Tran Thanh	Nha	19/07/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
130	050609211016	Ngo Hanh	Nhi	18/10/2003	Nữ	HQ9-GE09	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
131	050609211552	Ta Minh	Trang	19/04/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.8	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
132	050609212272	Tang Tran Huyen	Trang	21/08/2003	Nữ	HQ9-GE09	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
133	050609211937	Au Thuy	Hien	28/11/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.0	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
134	050609212008	Nguyen Duong Thuy	Linh	27/02/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
135	050609210754	Vo Hoang	Minh	29/04/2003	Nam	HQ9-GE10	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
136	050609210809	Nguyen Thi Thuy	Nga	31/01/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.5	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
137	050609212068	Le Ho Hong	Ngoc	30/09/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
138	050609212070	Nguyen Hoai	Ngoc	27/04/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
139	050609211003	Le Hoang Bang	Nhi	28/07/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.5	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
140	050609212101	Quach To	Nhi	23/08/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
141	050609212170	Tran Thi Diem	Quynh	27/07/2003	Nữ	HQ9-GE10	9.2	3.7	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	

No	Student ID	Full Name	Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
						10-point scale	4-point scale	Total Credits				
142	050609211363	Le Hoang Lan Thi	23/09/2003	Nữ	HQ9-GE10	7.7	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
143	050609212274	Truong Thi Thuy Trang	31/05/2003	Nữ	HQ9-GE10	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
144	050609210091	Hoang Ngoc Bao Anh	29/08/2003	Nam	HQ9-GE19	7.8	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
145	050609210114	Nguyen Truong Nhat Bang	09/03/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
146	050609210144	Trinh Do Bao Chau	25/12/2003	Nữ	HQ9-GE19	8.7	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
147	050609210211	Bui Nguyen Phuc Dat	15/06/2003	Nam	HQ9-GE19	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
148	050609211885	Nguyen Tien Dat	18/09/2003	Nam	HQ9-GE19	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
149	050609211867	Le Thi Kim Dung	10/02/2003	Nữ	HQ9-GE19	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
150	050609211876	Dao Thi My Duyen	29/03/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
151	050609211893	Giap Hoang Le Giang	06/12/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
152	050609211900	Vo Le Khanh Giang	20/05/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
153	050609210365	Bui Thi Ngoc Han	28/03/2003	Nữ	HQ9-GE20	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
154	050609211935	Tran Huynh Cam Han	18/12/2003	Nữ	HQ9-GE20	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
155	050609210420	Tran La Trung Hieu	12/03/2003	Nam	HQ9-GE21	8.7	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
156	050609210430	Nguyen Minh Hoan	02/06/2003	Nam	HQ9-GE21	7.4	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
157	050609211984	Ngo Huy Khanh	12/07/2003	Nam	HQ9-GE21	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
158	050609210551	Le Gia Khiem	18/12/2003	Nam	HQ9-GE21	7.8	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
159	050609211991	Le Dang Khoi	02/11/2003	Nam	HQ9-GE21	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
160	050609211996	Lam Thuy Kieu	20/08/2003	Nữ	HQ9-GE21	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
161	050609211999	Le Vinh Lam	01/02/2003	Nữ	HQ9-GE22	8.7	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
162	050609210690	Dinh Thi Kim Loan	22/04/2003	Nữ	HQ9-GE22	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
163	050609210691	Mai Thanh Loan	13/04/2003	Nữ	HQ9-GE22	7.3	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
164	050609210724	Nguyen Do Huynh Mai	04/01/2003	Nữ	HQ9-GE22	7.2	2.8	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
165	050609210802	Nguyen Thanh Nam	14/10/2003	Nam	HQ9-GE23	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	

No	Student ID	Full Name		Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
							10-point scale	4-point scale	Total Credits				
166	050609210847	Nguyen Thi Thanh	Ngan	06/04/2003	Nữ	HQ9-GE23	7.7	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
167	050609210943	Doan Thi Thao	Nguyen	17/07/2003	Nữ	HQ9-GE23	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
168	050609210979	Vu Tran Kieu	Nhi	19/12/2003	Nữ	HQ9-GE24	7.6	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
169	050609212112	Le Thi Quynh	Nhu	03/11/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.9	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
170	050609212137	Le Thi Kim	Phuc	10/07/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.0	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
171	050609211139	Le Lan	Phuong	18/11/2003	Nữ	HQ9-GE24	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
172	050609211210	Ngo Thi My	Quyen	07/12/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.7	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
173	050609211244	Nguyen Ngoc Nhu	Quynh	28/10/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
174	050609212162	Le Truong Diem	Quynh	20/10/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
175	050609212164	Nguyen Ha Nguyet	Quynh	10/07/2003	Nữ	HQ9-GE25	7.9	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
176	050609212171	Tran Thi Nhu	Quynh	29/09/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
177	050609212204	Vo Hong	Tham	04/09/2003	Nữ	HQ9-GE25	9	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
178	050609211304	Tran Thi Thuy	Thanh	09/12/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.8	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
179	050609211329	Nguyen Thanh	Thao	12/07/2003	Nữ	HQ9-GE25	8.7	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
180	050609211325	Nguyen Thi Thu	Thao	01/11/2003	Nữ	HQ9-GE26	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
181	050609212197	Pham Thi Ngoc	Thao	20/07/2003	Nữ	HQ9-GE26	7.3	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
182	050609212219	Huynh Ai	Thu	07/11/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
183	050609211425	Du Ha Minh	Thu	14/04/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.5	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
184	050609212234	Nguyen Anh	Thu	03/08/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.6	3.4	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
185	050609212254	Tran Thi Cam	Tien	08/09/2003	Nữ	HQ9-GE26	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
186	050609211508	Le Thi Ngoc	Tram	14/10/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.7	3.0	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
187	050609211544	Nguyen Thi Tuyet	Tran	02/01/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
188	050609211560	Dang Thi Thu	Trang	30/04/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.4	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
189	050609212271	Phan Ngoc Phuong	Trang	19/10/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.3	3.3	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	

No.	Student ID	Full Name		Date of Birth	Gender	Class	Entire Course			Major	Classification	Course	Notes
							10-point scale	4-point scale	Total Credits				
190	050609211590	Pham Le Tuyet	Trinh	09/04/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.5	2.9	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
191	050609211592	Phung Van	Trong	31/03/2003	Nam	HQ9-GE27	8.0	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
192	050609212292	La Thanh	Truc	25/11/2003	Nữ	HQ9-GE27	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
193	050609211619	Dang Quoc	Truong	15/01/2003	Nam	HQ9-GE27	7.8	3.1	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K9	
194	050609212302	Huynh Ngoc Minh	Tu	26/08/2003	Nữ	HQ9-GE27	8.1	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
195	050609211665	Do Phuong	Uyen	26/08/2003	Nữ	HQ9-GE28	8.9	3.5	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	
196	050609211679	Huynh Le Xuan	Uyen	14/11/2003	Nữ	HQ9-GE28	9	3.6	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K9	
197	050609211794	Ho Ngoc	Yen	01/09/2003	Nữ	HQ9-GE28	8.2	3.2	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K9	

Total: 197 students ✓